CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN
53/1D Lý Thường Kiệt, Thị Trấn Hóc Môn, TPHCM
---oOo---

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP :

1- Hình thức sở hữu vốn :

Là Công ty cổ phần được thành lập, dưới hình thức chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương mại - đầu tư tổng hợp Hóc Môn thành Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn, theo Quyết định số 7508/QĐ-UB ngày 14/11/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000761 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2001; và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty số 0302481483 thay đổi lần 5 ngày 29/10/2009 về tăng vốn điều lệ từ 17.500.000.000 đồng lên 35.000.000.000 đồng

2- Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại - Xuất nhập khẩu - Xây dựng - Đầu tư

3- Ngành nghề kinh doanh :

-Bán buôn và bán lẻ hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông hải sản;

-Kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ sinh hoạt, dịch vụ du lịch;

-Kinh doanh cung ứng vật tư kỹ thuật: xăng dầu, nhớt, mỡ công nghiệp, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị phụ tùng nông nghiệp, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;

-Kinh doanh hàng nông lâm thủy hải thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, hàng mỹ nghệ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

-Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà trọ;

-Xuất khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, vật tư nguyên liệu, hàng hóa

-Dịch vụ xuất nhập khẩu;

-Xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông công chánh) và kinh doanh nhà;

-Mua bán vật tư bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phương tiện vận tải đường bộ;

-Vận tải xăng dầu đường bộ;

-Karaoke

-Giết mổ gia súc;

-Cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho, ki-ốt;

-Kinh doanh bất động sản;

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác

-Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

-Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; và các thông tư, hướng dẫn, sửa đổi bổ sung chế độ kế toán hiện hành của Bộ Tài Chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thương Mại Hóc Môn cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

3- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung .

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc xác định các khoản tiền : được ghi nhận theo giá gốc

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : căn cứ vào các chứng thư có giá trị thuộc quyền sở hữu của Công ty như kỳ phiếu ngân hàng, tín phiếu kho bạc . . . có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán : được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho :

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho : được ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ : Nhập trước - xuất trước
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên -

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : theo chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho" của Bộ Tài chính ban hành. Vào thời điểm khóa sổ công ty Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập dự phòng trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ :

+ Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế

+ Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ :

+ Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 203/2009/QĐ/BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

+ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Loại Tài sản	Thời hạn
Nhà cửa – vật kiến trúc	07 - 50 năm
Máy móc thiết bị	06 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư :

+ Bất động sản đầu tư được xác định theo nguyên giá thực tế đầu tư xây dựng

+ Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng và các chi phí khác liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư :

+ Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá Bất động sản theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT/BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

+ Thời gian khấu hao hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư

Loại Bất động sản đầu tư	Thời hạn
Nhà lồng chợ + Hạ tầng kỹ thuật	25 năm
San lấp mặt bằng	50 năm

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát : được ghi nhận theo giá gốc
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn : theo giá gốc
- Phương pháp lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn : căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay :

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào Chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, sửa chữa …được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ , và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : theo phương pháp đường thẳng
- Chi phí khác : không vốn hóa các khoản chi phí này

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

- Chi phí phải trả ghi nhận chủ yếu là khoản DN có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán

- Phương pháp ghi nhận : Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : là số vốn thực góp của chủ sở hữu

+ Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;

- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế : Theo điều lệ Công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

11- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu :

- Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau :

+ Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành ;

+ Không còn giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

+ Doanh thu đã xác định tương đối chắc chắn

+ Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn :

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn ;

- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ

12- Nguyên tắc, phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

- Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

- Chi phí thuế thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không bù trừ.

14- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

- Các khoản mục thuế thể hiện trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Theo quy định số thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch theo số quyết toán sẽ được điều chỉnh ngay khi có kết quả quyết toán thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01- Tiền	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
1.1 Tiền mặt :	**84.135.702**	**117.697.817**
1.2 Tiền gửi ngân hàng :	**67.547.326.823**	**76.662.431.751**
1.21 Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	**12.447.326.823**	**7.662.431.751**
+ *Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Hóc Môn :*	*8.728.310.966*	*5.628.587.305*
+ *Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín :*	*2.745.491.131*	*59.332.371*
+ *Ngân hàng Ngoại Thương - VCB*	*514.374.960*	*550.632.691*
+ *Ngân hàng Sài Gòn Công Thương - SGB*	*48.839.763*	*48.170.431*
+ *Ngân hàng Phương Đông PGD Ng.Thái Bình*	*194.537.547*	*1.165.030.845*
+ *Ngân hàng VN Thương Tín PGD Hồng bàng*	*2.895.156*	*0*
+ *Ngân hàng CP TM Phương Đông (SGD)*	*0*	*983.708*
+ *Ngân hàng Nông nghiệp CN Tây SG*	*212.877.300*	*209.694.400*
1.22 Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	**55.100.000.000**	**69.000.000.000**
+ *Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Hóc Môn :*	*0*	*5.000.000.000*
+ *Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín :*	*55.000.000.000*	*64.000.000.000*
+ *Ngân hàng Việt Nam Thương Tín :*	*100.000.000*	*0*
Cộng	**67.631.462.525**	**76.780.129.568**

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn :	**Số cuối kỳ**		**Số đầu năm**	
	Số lượng	Tri Giá	Số lượng	Tri Giá
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		1.200.074.340		10.208.520.000
+ *Cổ phiếu KHA*	*50.000*	*1.200.074.340*	*10.000*	*208.520.000*
+ *Kỳ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông*				*10.000.000.000*
- Đầu tư ngắn hạn khác		30.525.000.000		20.000.000.000
+ *Ngân hàng Sacombank*		*500.000.000*		*0*
+ *Cty CP Chứng khoán Phương Đông*		*10.000.000.000*		*0*
+ *Công trái chính phủ*		*25.000.000*		*0*
+ *Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Saigon*		*20.000.000.000*		*20.000.000.000*
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn				
Cộng		**31.725.074.340**		**30.208.520.000**

03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác :	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.084.833.388	922.085.384
- Phải thu khác	647.519.054	1.255.311.941
+ *Phải thu khác :*	647.519.054	1.232.221.175
+ *BHYT mua trước :*	0	23.090.766
Cộng	**1.732.352.442**	**2.177.397.325**

04- Hàng tồn kho :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang :	44.967.260.430	37.739.006.023
- Hàng hóa :	3.761.031.589	3.599.289.090
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**48.728.292.019**	**41.338.295.113**

05- Thuế và các khoản phải thu nhà nước :

07- Phải thu dài hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn :	0	0
- Phải thu dài hạn khác :		
Cộng	**0**	**0**

08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	**8.358.094.437**	**8.155.035.359**	**1.975.104.358**	**120.314.475**	**18.608.548.629**
- Mua trong kỳ	-	-	-	15.909.091	15.909.091
- Đầu tư XDCB hoàn thành	488.171.358	-	-	-	488.171.358
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	261.090.000	294.891.833	-	-	555.981.833
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**8.585.175.795**	**7.860.143.526**	**1.975.104.358**	**136.223.566**	**18.556.647.245**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	**4.085.721.421**	**2.419.304.755**	**1.002.128.329**	**54.852.687**	**7.562.007.192**
- Khấu hao trong kỳ	392.392.457	426.890.430	164.592.025	12.915.286	996.790.198
- Tăng khác	-	-	-	-	0
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	72.525.000	294.891.833	-	-	367.416.833
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**4.405.588.878**	**2.551.303.352**	**1.166.720.354**	**67.767.973**	**8.191.380.557**
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	**4.272.373.016**	**5.735.730.604**	**972.976.029**	**65.461.788**	**11.046.541.437**
- Tại ngày cuối kỳ	**4.179.586.917**	**5.308.840.174**	**808.384.004**	**68.455.593**	**10.365.266.688**

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay : không

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : **1.580.884.008 đồng**

09 Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình :

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	3.797.694.000	0	0	0	3.797.694.000
- Mua trong kỳ	0	0			0
- Tăng khác					0
- Chuyển sang BĐS đầu tư					0
- Thanh lý, nhượng bán		-			0
- Giảm khác					0
Số dư cuối kỳ	3.797.694.000	0	0	0	3.797.694.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	94.737.150	0	0	0	94.737.150
- Khấu hao trong kỳ	0	0	0	0	0
- Tăng khác					0
- Thanh lý, nhượng bán		0	0	0	0
- Giảm khác		0			0
Số dư cuối kỳ	94.737.150	0	0	0	94.737.150
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	3.702.956.850	0	0	0	3.702.956.850
- Tại ngày cuối kỳ	3.702.956.850	0	0	0	3.702.956.850

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tổng số chi phí XDCB dở dang :	25.122.658.639	19.950.956.396
Trong đó :		
* Dự án chợ đầu mối Tân Xuân :	17.247.380.443	17.131.861.520
* Trung tâm Thương mại Hóc Môn :	7.820.298.315	2.749.220.000
* Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	54.979.881	69.874.876

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư :

Khoản mục	Nhà lồng chợ rau	Nhà lồng chợ thịt	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
Nguyên giá BĐS đầu tư				
1.Số dư đầu năm	**13.132.051.563**	**7.108.226.091**	**26.173.046.273**	**46.413.323.927**
2.Tăng trong kỳ	0	0		0
3.Giảm trong kỳ	0	0		0
4.Số dư cuối kỳ	**13.132.051.563**	**7.108.226.091**	**26.173.046.273**	**46.413.323.927**
Giá trị hao mòn lũy kế				
1.Số dư đầu năm	**2.944.225.369**	**568.658.088**	**1.690.427.307**	**5.203.310.764**
2.Tăng trong kỳ	262.641.030	142.164.522	186.915.438	591.720.990
3.Giảm trong kỳ	0	0	0	0
4.Số dư cuối kỳ	**3.206.866.399**	**710.822.610**	**1.877.342.745**	**5.795.031.754**
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư				
1.Số dư đầu năm	**10.187.826.194**	**6.539.568.003**	**24.482.618.966**	**41.210.013.163**
2.Tăng trong kỳ	0	0	0	0
3.Giảm trong kỳ	262.641.030	142.164.522	186.915.438	591.720.990
4.Số dư cuối năm	**9.925.185.164**	**6.397.403.481**	**24.295.703.528**	**40.618.292.173**

13- Các khoản đầu tư tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
dài hạn	Số lượng	Trị Giá	Số lượng	Trị Giá
a- Đầu tư vào công ty con		1.400.000.000		1.400.000.000
b- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.809.925.000		6.809.925.000
- Công Ty CP XNK Khánh Hội		6.809.925.000		6.809.925.000
c- Đầu tư dài hạn khác :		1.000.000.000		1.045.000.000
- Sàn Giao Dịch BĐS Bến Thành		1.000.000.000		1.000.000.000
- Công trái chính phủ		0		*45.000.000*
Cộng		**9.209.925.000**		**9.254.925.000**

14- Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trả trước về thuê mặt bằng	211.000.000	35.000.000
- Chi phí sửa chữa Lò mổ :	383.608.111	127.835.152
- Khu pha lóc chợ thịt :	488.672.631	671.924.871
- Chi phí sửa chữa chợ rau :	224.155.344	285.288.618
- Chi phí khác :	89.383.396	47.347.201
Cộng	**1.396.819.482**	**1.167.395.842**

15- Vay và nợ ngắn hạn		
- Vay ngắn hạn	0	0
- Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
Cộng	**0**	**0**

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	0	96.378.793
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.894.402	1.353.157
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.837.414	3.487.917.072
- Thuế thu nhập cá nhân	26.807.227	83.359.576
- Thuế tài nguyên	900.000	900.000
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0
Cộng	**101.439.043**	**3.669.908.598**

17- Chi phí phải trả

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn :	546.851.806	623.374.437
- Bảo hiểm xã hội :	18.981.905	50.954.217
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	240.000.000	240.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác : trong đó	33.735.368.895	31.132.400.919
** Cty Khánh Hội góp vốn đầu tư*	*25.316.800.668*	*22.544.626.000*
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn :	307.175.713	354.475.713
Cộng	**34.848.378.319**	**32.401.205.286**

20- Vay và nợ dài hạn :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
20.1 Vay dài hạn :	**0**	**0**
- Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM :	0	0
20.2 Nợ dài hạn :	**0**	**0**
Cộng	**0**	**0**

* Giá trị trái phiếu có thể chuyển đổi :

* Thời hạn thanh toán trái phiếu :

22- Vốn chủ sở hữu :

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :

KHOẢN MỤC	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	7	9
Số dư đầu năm trước	**17.500.000.000**	**10.750.855.403**	**1.322.613.486**	**26.110.343.603**	**55.683.812.492**
- Tăng vốn trong năm trước	17.500.000.000	17.411.116.547	287.386.514		35.198.503.061
- Lãi trong kỳ (sau thuế)				25.287.853.369	25.287.853.369
- Tăng khác					0
- Giảm vốn trong kỳ năm trước		17.500.000.000		24.558.596.686	42.058.596.686
- Lỗ trong năm trước					0
- Giảm khác		0	0	4.725.000.000	4.725.000.000
Số dư cuối năm trước	**35.000.000.000**	**10.661.971.950**	**1.610.000.000**	**22.114.600.286**	**69.386.572.236**
Số dư đầu năm nay	**35.000.000.000**	**10.661.971.950**	**1.610.000.000**	**22.114.600.286**	**69.386.572.236**
- Tăng vốn trong kỳ này	0	12.577.817.554	1.452.072.029	0	14.029.889.583
- Lãi trong kỳ	0	0	0	8.764.535.477	8.764.535.477
- Tăng khác					0
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	19.687.853.369	19.687.853.369
- Lỗ trong năm nay				0	0
- Giảm khác (chi cổ tức)	0	0	0	1.400.000.000	1.400.000.000
Số dư cuối quý	**35.000.000.000**	**23.239.789.504**	**3.062.072.029**	**9.791.282.394**	**71.093.143.927**

22- Vốn chủ sở hữu

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
- Vốn góp của nhà nước	7.000.000.000	7.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	28.000.000.000	28.000.000.000
Cộng	**35.000.000.000**	**35.000.000.000**

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năi

* Số lượng cổ phiếu quỹ :

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**Năm nay**	**Năm trước**
+ Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	17.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	17.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	4.725.000.000

d- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm :
  + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông :
  + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi :
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận :

đ- Cổ phiếu	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
** Mệnh giá cổ phiếu*	*10.000 đ/cổ phiếu*	*10.000 đ/cổ phiếu*

e- Các quỹ của doanh nghiệp	**26.301.861.533**	**12.271.971.950**
- Quỹ đầu tư phát triển	23.239.789.504	10.661.971.950
- Quỹ dự phòng tài chính	3.062.072.029	1.610.000.000
- Nguồn vốn đầu tư XDCB :	0	0

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của DN
Các quỹ trên được sử dụng vào các mục đích theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

g- *Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể :*

	Năm nay	Năm trước
23- Nguồn kinh phí :	29.284.737.514	32.518.072.593

Nguồn kinh phí giảm **3.233.335.079 đồng** do Công ty nộp lại tiền chi phí đền bù của dự án Chợ đầu mối Tân Xuân cho ngân sách nhà nước.

24- Tài sản thuê ngoài

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý II - 2010	Quý II - 2009
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	**133.844.178.332**	**112.183.451.128**
Trong đó :		
+ ***Doanh thu bán hàng***	***127.474.615.694***	***98.810.578.743***
* Xăng dầu, nhớt các loại :	126.761.391.150	98.337.776.936
* Hàng ăn uống :	713.224.544	472.801.807
+ ***Doanh thu bán thành phẩm***	***3.971.935.347***	***11.643.985.637***
* Bán nền dự án Khu Dân cư	3.971.935.347	11.643.985.637
+ ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***	***1.601.962.003***	***998.997.822***
* Gia công giết mổ gia súc :	1.178.662.000	927.325.092
* Khu pha lóc	345.000.000	0
* Doanh thu cung cấp dịch vụ khác :	78.300.003	71.672.730
+ ***Doanh thu cho thuê BĐS đầu tư***	***795.665.288***	***729.888.926***
* Chợ Rau	417.356.202	413.216.202
* Chợ thịt	378.309.086	316.672.724
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	**5.734.600**	**1.972.048**
Trong đó :		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.734.600	1.972.048
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	**133.838.443.732**	**112.181.479.080**
Trong đó : + Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	127.468.881.094	98.808.606.695
+ Doanh thu thuần trao đổi thành phẩm	3.971.935.347	11.643.985.637
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	2.397.627.291	1.728.886.748
28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
- ***Giá vốn của hàng hóa đã bán***	***124.774.610.767***	***95.189.394.698***
+ Xăng dầu, nhớt các loại :	124.347.654.992	94.886.138.879
+ Hàng ăn uống :	426.955.775	303.255.819
- ***Giá vốn bán nền nhà***	***1.712.274.843***	***3.012.015.033***
- ***Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư***	***307.197.150***	***317.622.428***
- ***Hao hụt mất mát hàng tồn kho***	***242.836.004***	***192.719.011***
Cộng	**127.036.918.764**	**98.711.751.170**

29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý II - 2010	Quý II - 2009
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.822.535.934	1.566.568.535
- Lãi Cổ tức, công trái,	19.800.000	21.375.000
- Lợi nhuận đầu tư vào Cty con :	1.084.833.388	869.779.462
- Lãi bán hàng trả chậm	221.321.225	387.865.883
Cộng	**4.148.490.547**	**2.845.588.880**

30- Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý II - 2010	Quý II - 2009
- Chi phí tài chính khác	-	7.406.115
Cộng	**0**	**7.406.115**

31- Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành (Mã số 51)	Quý II - 2010	Quý II - 2009
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.223.453.802	1.537.543.164
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.223.453.802**	**1.537.543.164**

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý II - 2010	Quý II - 2009
33.1 Chi phí nhân công :	2.831.071.035	4.999.985.818
33.2 Chi phí vật liệu quản lý :	21.318.109	13.566.285
33.3 Chi phí công cụ, dụng cụ :	62.342.986	65.684.546
33.4 Chi phí khấu hao tài sản cố định :	561.506.244	491.592.369
33.5 Thuế, phí và lệ phí	34.896.500	5.932.000
33.6 Chi phí dự phòng	0	0
33.7 Chi phí dịch vụ mua ngoài :	816.489.865	563.478.485
33.8 Chi phí khác bằng tiền :	471.777.176	516.555.796
Trong đó : - *Thù lao của Hội đồng Quản trị*	*43.500.000*	*41.500.000*
- *Thù lao của Ban Kiểm Soát*	*15.600.000*	*15.600.000*
Cộng	**4.799.401.915**	**6.656.795.299**

VIII-NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm :

3- Thông tin về các bên liên quan

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận" (2)

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

-Lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2010 đạt 4.738.594.798 đồng so với Quý II năm 2009 là 8.114.899.272 đồng, giảm 41,61% do nguyên nhân trong Quý II năm 2010 doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất của khu dân cư Tân Xuân chỉ đạt 34,11%, và lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 22,24% so với cùng kỳ năm trước (Quý II năm 2009 doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất là : 11.643.985.637 đồng đạt lợi nhuận sau thuế : 5.208.786.515 đồng)

6- Những thông tin khác (3)

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THỊ THU VÂN	LÊ THỊ MỘNG ĐIỆP	LÊ VĂN MỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN